

Số: **3927** /QĐ-TĐHYKPNT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03** tháng **9** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm học phí năm học 2026 - 2027 cho sinh viên
hệ Đại học chính quy thuộc diện chính sách theo quy định**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 1003/QĐ-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Công tác Sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công tác sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 3531/QĐ-TĐHYKPNT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc phân công nhiệm vụ và ủy quyền ký văn bản giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Theo đề nghị của Phòng Công tác Sinh viên tại Phiếu trình số 139/PT-CTSV ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Phòng Công tác Sinh viên về việc xem xét và ban hành Quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên hệ Đại học chính quy thuộc diện chính sách theo quy định năm học 2026 – 2027.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí, giảm 70%, giảm 50% học phí năm học 2026 - 2027 cho sinh viên các lớp hệ đại học chính quy thuộc diện chính sách (đính kèm danh sách).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán và các Sinh viên có tên theo danh sách đính kèm ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT và các PHT (để biết);
- Phòng TCKT (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, P. CTSV, QT (03).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phan Nguyễn Thanh Vân

DANH SÁCH MIỄN - GIẢM HỌC PHÍ NĂM HỌC 2026 - 2027

(Đính kèm Quyết định số 3921.../QĐ-TĐHYKPNT ngày 09.../.../2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MIỄN					GIẢM	GIẢM	KHÓA HỌC	MỨC THU HỌC PHÍ CỦA NHÀ TRƯỜNG	MỨC TRẢ HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM	MỨC HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM				GHI CHÚ
					DIỆN 1.1	DIỆN 1.2	DIỆN 1.3	DIỆN 1.4	DIỆN 1.5						KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH CẤP BÙ	SỐ TIỀN HỌC PHÍ SV PHẢI ĐỒNG	KINH PHÍ NHÀ TRƯỜNG CẤP MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	TỔNG SỐ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	
					100%	100%	100%	100%	100%	70%	50%				(3)=(2)* tỷ lệ miễn, giảm	(4)=(2)-(3)	(5)=(1)-(2)	(6)=(3)+(5)	
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	(1)	(2)	(3)=(2)* tỷ lệ miễn, giảm	(4)=(2)-(3)	(5)=(1)-(2)	(6)=(3)+(5)	p
1	2351010440	Trần Văn	Quang	14/11/2005	Y2023D	X						2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
2	2151010417	Nguyễn Hoàng	Phúc	13/08/1995	Y2021B	X						2021 - 2027	38.600.000	35.000.000	35.000.000	-	3.600.000	38.600.000	
3	2553010324	Nguyễn Phương	Thảo	13/01/2007	ĐD2025A	X						2025 - 2029	46.000.000	26.600.000	26.600.000	-	19.400.000	46.000.000	
4	2351010153	Hoàng Minh	Hiền	11/07/1996	Y2023A	X						2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
5	2555010011	Lê Thị Quỳnh	Diệu	22/06/2007	RHM2025	X						2025 - 2031	60.800.000	26.600.000	26.600.000	-	34.200.000	60.800.000	
6	2551010442	Võ Huỳnh	Như	15/08/2007	Y2025D	X						2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
7	2352010033	Hồ Nguyễn Quang	Huy	08/06/2005	Dược 2023	X						2023 - 2028	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
8	2352010052	Nguyễn Bảo	Ngân	11/06/2005	Dược 2023	X						2023 - 2028	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
9	2251010011	Hà Trần Tuấn	Anh	08/01/2004	Y2022D	X						2022 - 2028	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
10	2451010573	Phạm Quang	Trương	18/08/2006	Y2024A	X						2024 - 2030	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
11	2551150028	Mai Tấn	Lộc	30/04/2007	YHCT2025	X						2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
12	2355010038	Thái Thủy	Loan	31/12/2005	RHM2023	X						2023 - 2029	60.800.000	26.600.000	26.600.000	-	34.200.000	60.800.000	
13	2454010053	Nguyễn Ngọc	Trâm	15/05/2006	Dinh dưỡng 2024	X						2024 - 2028	46.000.000	26.600.000	26.600.000	-	19.400.000	46.000.000	
14	2355010041	Phan Ngọc Thanh	Mai	17/05/2005	RHM2023	X						2023 - 2029	60.800.000	26.600.000	26.600.000	-	34.200.000	60.800.000	
15	2251010471	Huỳnh Thiên	Phương	05/11/2003	Y2022C	X						2022 - 2028	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
16	2151010027	Trần Huỳnh Quý	Anh	20/01/2003	Y2021A	X						2021 - 2027	38.600.000	35.000.000	35.000.000	-	3.600.000	38.600.000	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MIỄN					GIẢM 70%	GIẢM 50%	KHÓA HỌC	MỨC THU HỌC PHÍ CỦA NHÀ TRƯỜNG	MỨC TRẢ HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM	MỨC HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM				GHI CHÚ
					DIỆN 1.1	DIỆN 1.2	DIỆN 1.3	DIỆN 1.4	DIỆN 1.5						KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH CẤP BÙ	SỐ TIỀN HỌC PHÍ SV PHẢI ĐỒNG	KINH PHÍ NHÀ TRƯỜNG CẤP MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	TỔNG SỐ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	
					100%	100%	100%	100%	100%										
17	2453010173	Nguyễn Trịnh Quỳnh	Như	08/12/2006	CNDD.CCNBV2024	X						2024 - 2028	46.000.000	26.600.000	26.600.000	-	19.400.000	46.000.000	
18	2351010044	Nguyễn Bảo Khánh	Bằng	28/07/2005	Y2023D	X						2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
19	2553010406	Nguyễn	Trương	27/09/2007	ĐD2025B		X					2025 - 2029	46.000.000	26.600.000	26.600.000	-	19.400.000	46.000.000	
20	2456990031	Ta Quỳnh Thảo	Nhi	02/02/2006	KXNK2024		X					2024 - 2028	46.000.000	26.600.000	26.600.000	-	19.400.000	46.000.000	
21	2553010444	Trần Bảo	Vy	21/12/2007	ĐD2025B		X					2025 - 2029	46.000.000	26.600.000	26.600.000	-	19.400.000	46.000.000	
22	2553020018	Nguyễn Thị Hạnh	Phúc	04/06/2007	Hồ sinh 2025		X					2025 - 2029	46.000.000	26.600.000	26.600.000	-	19.400.000	46.000.000	
23	2251010289	Trần Thị Khánh	Linh	06/10/2004	Y2022D			X				2022 - 2028	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
24	2252010032	Bùi Nguyễn Diệu	Linh	31/07/2004	Dược 2023			X				2023 - 2028	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
25	2451010043	Dương Bằng	Bằng	19/04/2006	Y2024C			X				2024 - 2029	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
26	2551010125	Tăng Thuần	Đạt	29/09/2006	Y2025D			X				2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
27	2552010016	Tất Kinh	Di	25/03/2007	Dược 2025			X				2025 - 2030	60.800.000	35.000.000	35.000.000	-	25.800.000	60.800.000	
28	2451010588	Hoàng Trang Nhã	Vy	05/11/2006	Y2024D					X		2024 - 2030	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
29	2551010194	Huỳnh Hoàng	Huy	02/11/2007	Y2025A					X		2025 - 2031	30.400.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	4.600.000	19.900.000	
30	2351010567	Trần Thị Huyền	Trần	28/11/2005	Y2023D					X		2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
31	2451010020	Nguyễn Đan	Anh	18/02/2006	Y2024D					X		2024 - 2030	30.400.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	4.600.000	19.900.000	
32	2351010485	Trần Cẩm	Thành	16/10/2005	Y2023A					X		2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
33	2455010058	Trần Cẩm	Phong	24/02/2006	RHM2024					X		2024 - 2030	60.800.000	26.600.000	18.620.000	7.980.000	34.200.000	52.820.000	
34	2451010233	Khuu Gia	Lâm	20/10/2006	Y2024A					X		2024 - 2030	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
35	2551010523	Thái Thanh	Tâm	16/12/2007	Y2025A					X		2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
36	2551010304	Danh Thị Khánh	Lnh	14/08/2007	Y2025B					X		2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
37	2451010253	Trương Hiền	Long	12/10/2006	Y2024A					X		2024 - 2030	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MIỄN					GIẢM	GIẢM	KHÓA HỌC	MỨC THU HỌC PHÍ CỦA NHÀ TRƯỞNG	MỨC TRẢ HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM	MỨC HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM				GHI CHÚ
					DIỆN 1.1	DIỆN 1.2	DIỆN 1.3	DIỆN 1.4	DIỆN 1.5						KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH CẤP BÙ	SỐ TIỀN HỌC PHÍ SV PHẢI ĐỒNG	KINH PHÍ NHÀ TRƯỞNG CẤP MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	TỔNG SỐ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	
					100%	100%	100%	100%	100%	70%	50%								
38	2451010458	Phạm Thị Cẩm	Tú	16/05/2006	Y2024B					X		2024 - 2030	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
39	2351010485	Trần Cẩm	Thánh	16/10/2005	Y2023A					X		2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
40	2351010521	Thái Ngọc Anh	Thư	15/10/2005	Y2023B					X		2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
41	2255010049	Hoàng Thị Tuyết	Nhi	11/12/2004	RHM2022					X		2022 - 2028	60.800.000	26.600.000	18.620.000	7.980.000	34.200.000	52.820.000	
42	2551010210	Trần Lạc	Huy	23/06/2007	Y2025D					X		2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
43	2151010210	Trương Gia	Huy	06/01/2003	Y2021C					X		2021 - 2027	38.600.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	3.600.000	28.100.000	
44	2551010206	Quách Hoàng	Huy	08/06/2007	Y2025B					X		2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
45	2451010339	Hồ Minh	Nhật	30/04/2006	Y2025C					X		2024 - 2030	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
46	2451010142	Ngô Minh	Hoàng	20/11/2006	Y2024B					X		2024 - 2030	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
47	2551150044	Dương Kiệt	Phúc	29/09/2006	YHCT2025					X		2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
48	2653010189	Hoàng Nguyễn Trà	My	02/11/2008	ĐD2026A					X		2026 - 2030	47.000.000	26.600.000	18.620.000	7.980.000	20.400.000	39.020.000	
49	2455010023	Vì Hoàng	Hiếu	13/04/2006	RHM2024					X		2024 - 2030	60.800.000	26.600.000	18.620.000	7.980.000	34.200.000	52.820.000	
50	2351010388	Lâm Tâm	Như	21/06/2005	Y2023A					X		2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
51	2452010021	Trương Minh Nhật	Huỳnh	28/09/2006	Dược 2024					X		2024 - 2029	60.800.000	35.000.000	24.500.000	10.500.000	25.800.000	50.300.000	
52	2551010662	Đào Gia	Vĩ	14/06/2005	Y2025A						X	2025 - 2031	60.800.000	35.000.000	17.500.000	17.500.000	25.800.000	43.300.000	
53	2453010235	Ngô Nguyễn Đan	Thy	28/10/2006	ĐD2024A						X	2024 - 2028	46.000.000	26.600.000	13.300.000	13.300.000	19.400.000	32.700.000	
54	2453010110	Vương Mỹ	Linh	19/04/2006	ĐD2024B						X	2024 - 2028	46.000.000	26.600.000	13.300.000	13.300.000	19.400.000	32.700.000	
55	2451010060	Lê Công	Danh	27/07/2006	Y2024D						X	2024 - 2029	60.800.000	35.000.000	17.500.000	17.500.000	25.800.000	43.300.000	
56	2453010004	Bùi Văn	Anh	16/07/2006	GMHS 2024						X	2024 - 2028	46.000.000	26.600.000	13.300.000	13.300.000	19.400.000	32.700.000	
57	2455010044	Trương Hoàng Xuân	Nghi	29/04/2006	RHM2024						X	2024 - 2029	60.800.000	26.600.000	13.300.000	13.300.000	34.200.000	47.500.000	
58	2351010471	Nguyễn Minh	Tấn	20/06/2005	Y2023B							2023 - 2029	60.800.000	35.000.000	17.500.000	17.500.000	25.800.000	43.300.000	

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MIỄN					GIẢM	GIẢM	KHÓA HỌC	MỨC THU HỌC PHÍ CỦA NHÀ TRƯỜNG	MỨC TRẢ HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM	MỨC HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM				GHI CHÚ
						DIỆN 1.1	DIỆN 1.2	DIỆN 1.3	DIỆN 1.4	DIỆN 1.5						KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH CẤP BÙ	SỐ TIỀN HỌC PHÍ SV PHẢI ĐỒNG	KINH PHÍ NHÀ TRƯỜNG CẤP MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	TỔNG SỐ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	
						100%	100%	100%	100%	100%	70%	50%								
59	2553010092	Võ Kim	Hân	30/07/2007	ĐD2025B							X	2025 - 2029	46.000.000	26.600.000	13.300.000	13.300.000	19.400.000	32.700.000	
60	2151010552	Hoàng Ngọc	Thúy	02/03/2003	Y2021A							X	2021 - 2027	38.600.000	35.000.000	17.500.000	17.500.000	3.600.000	21.100.000	
TỔNG CỘNG						18	4	1	4	0	24	9				1.561.980.000	378.420.000	1.381.400.000	2.943.380.000	
Bảng chữ: Một tỷ năm trăm sáu mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.																				

Tổng cộng 60 sinh viên.

- Miễn 100% học phí : Diện 1.1: **18** sinh viên (Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)
- Miễn 100% học phí : Diện 1.2: **04** sinh viên (Sinh viên là người khuyết tật)
- Miễn 100% học phí : Diện 1.3: **01** sinh viên (Sinh viên đang học tập văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.)
- Miễn 100% học phí : Diện 1.4: **04** sinh viên (Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.)
- Giảm 70% học phí: **24** sinh viên (Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan
- Giảm 50% học phí: **09** sinh viên (Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên).



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Hải Yến

KT. TRƯỞNG PHÒNG CTSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Kiên

TP.HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2026
NGƯỜI LẬP

Lê Đặng Quốc Thái